

Trường:THPT Đỗ Đăng Tuyển Họ và tên giáo viên : Đỗ Thị Thu Thủy

Tổ: Ngữ Văn

Ngày soạn 3/11/2025

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 4 – SỨC SỐNG CỦA SỬ THI

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 10

Thời gian thực hiện: 09 tiết

A. TỔNG QUAN

MỤC TIÊU BÀI HỌC	
1. Về kiến thức	- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ giữa chúng; nêu được ý nghĩa của tác phẩm đối với người đọc. - Hiểu được cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú.
2.1 Về năng lực chung	- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
2.2 Về năng lực đặc thù	- Viết được báo cáo nghiên cứu, có sử dụng trích dẫn, cước chú; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn. - Biết thuyết trình về một vấn đề; nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

3. Về phẩm chất	Biết trân trọng các giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong những sáng tác ngôn từ thời cổ đại truyền đến ngày nay.
NỘI DUNG BÀI HỌC	
Đọc	● Tri thức ngữ văn ● Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác ● Đăm Săn đi bắt Nữ thần Mặt trời ● Thực hành đọc: Rama buộc tội
Thực hành Tiếng Việt	● Sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản
Viết	● Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề
Nói và nghe	● Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề.
Củng cố mở rộng	● Ôn tập kiến thức về sử thi ● Mở rộng kiến thức về sử thi.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

TIẾT 36. . TRI THỨC NGỮ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh nhận biết** được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- ❖ **Hiểu được** cách đánh dấu phân bị tính lược trong văn bản, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú.

2. Về năng lực

- ❖ **Học sinh thuyết trình** (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện
- ❖ **Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....**

3. Về phẩm chất: Biết trân trọng các giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong những sáng tác ngôn từ thời cổ đại truyền đến ngày nay.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV chuẩn bị câu hỏi dẫn dắt HS tìm hiểu về sử thi. ❖ Học sinh trả lời câu hỏi để tìm hiểu kiến thức về sử thi.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên nêu câu hỏi và yêu cầu học sinh suy nghĩ, trả lời:	Học sinh trình bày những hiểu biết của mình về thể loại sử thi xoay quanh các yếu tố như <i>nhân vật, không gian, thời gian, lời kể, cốt</i>

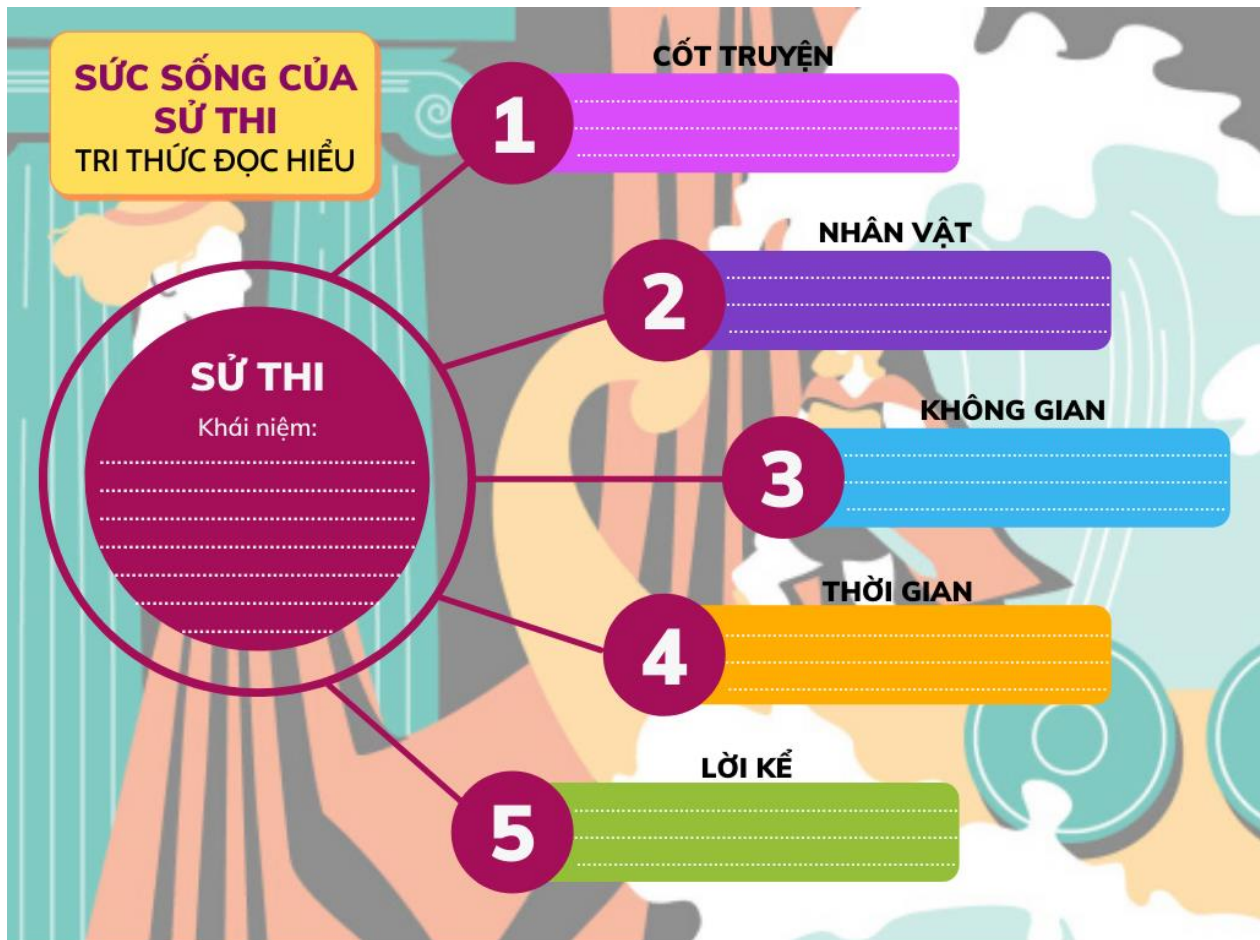
1/ Em đã biết gì về thể loại sử thi? Hãy kể tên một số văn bản thuộc thể loại sử thi mà em đã đọc? 2/ Khi đọc một văn bản thuộc thể loại sử thi em nghĩ mình cần quan tâm đến những yếu tố nào? Vì sao? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình trước lớp. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học,	truyện, cảm hứng chủ đạo,...
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật. b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa ❖ Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu về các đặc trưng của thể loại sử thi.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập HOẠT ĐỘNG NHÀ NGHIÊN CỨU SỬ THI Giáo viên giao phiếu và chia lớp thành 4 nhóm và nêu nhiệm vụ học tập:	Phiếu học tập – Phụ lục 1 Phần chia sẻ của Học sinh I. Sử thi 1. Khái niệm - Sử thi (anh hùng ca) là thể loại tự sự dài,

- Yêu cầu: Em hãy thảo luận và hoàn thành vào Phiếu học tập 1 để cung cấp những kiến thức một cách trọn vẹn đến người đọc sử thi. - Thời gian: 10 phút. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về sử thi.	dung lượng đồ sộ, ra đời vào thời cổ đại. 2. Cốt truyện - Cốt truyện của sử thi xoay quanh những biến cố trọng đại liên quan đến vận mệnh của toàn thể cộng đồng như chiến tranh hay công cuộc chinh phục thiên nhiên để ổn định và mở rộng địa bàn cư trú. 3. Nhân vật sử thi - Nhân vật sử thi là người anh hùng đại diện cho sức mạnh, phẩm chất lí tưởng và khát vọng chung của cộng đồng. 4. Không gian sử thi - Không gian sử thi kì vĩ, cao rộng, mang tính cộng đồng, có thể bao quát cả thế giới thần linh và con người. 5. Thời gian sử thi - Thời gian sử thi là quá khứ thiêng liêng, thuộc về một thời đại xa xưa được cộng đồng ngưỡng vọng. 6. Lời kể trong sử thi - Lời kể trong sử thi thành kính, trang trọng; nhịp điệu chậm rãi; trần thuật tỉ mỉ, lặp đi lặp lại những từ ngữ khắc họa đặc điểm cố định của nhân vật, sự vật, thường xuyên sử dụng thủ pháp so sánh trùng điệp, Lời người kể chuyện và cả lời nhân vật nhiều khi mang tính khoa trương, cường điệu.
---	--

	* Sử thi không chỉ lưu dấu những biến cố quan trọng trong lịch sử của một cộng đồng, mà còn phản ánh diện mạo đời sống tinh thần, hệ giá trị, niềm tin của cộng đồng ấy. Nhiều chủ đề trong sử thi vẫn còn có ý nghĩa lớn đối với nhân loại. Những tác phẩm sử thi như Ma-ha-bha-ra-ta, Ra-ma-ya-na (Ấn Độ); I-li-át, Ô-đi-xê (Hy Lạp); Đăm Săn (Việt Nam);... vẫn tiếp tục khơi nguồn cảm hứng cho nhiều sáng tạo thuộc nhiều loại hình nghệ thuật đời sau.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao phiếu học tập – HS vận dụng những tri thức đã đọc về trích dẫn trong văn bản và phần bị tỉnh lược trong văn bản để hoàn thành phiếu Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Em hãy thảo luận và hoàn thành vào Phiếu học tập 2 để hệ thống lại các kiến thức đã đọc về trích dẫn trong văn bản và phần bị tỉnh lược trong văn bản. - Thời gian: 10 phút. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định	Phiếu học tập – Phụ lục 2 II. Trích dẫn trong văn bản - Trích dẫn trong văn bản thường có hai loại: <i>trích dẫn trực tiếp</i> và <i>trích dẫn gián tiếp</i>. 1. Trích dẫn trực tiếp - Trích dẫn trực tiếp là đưa nguyên văn một phần câu, một câu, một đoạn văn,... của bản gốc vào bài viết và toàn bộ phần trích dẫn này phải được đặt trong ngoặc kép. 2. Trích dẫn gián tiếp - Trích dẫn gián tiếp là sử dụng ý tưởng của người khác và diễn đạt lại theo cách viết của mình nhưng phải đảm bảo trung thành với nội dung của bản gốc. Phần trích dẫn gián tiếp không phải đặt trong dấu ngoặc kép. 3. Lưu ý - Khi tạo lập văn bản, cần tránh lạm dụng trích

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về thể loại thần thoại	dẫn vì điều đó dẫn đến tình trạng ý kiến riêng của người viết bị lu mờ hoặc chỉ còn mang tính phụ họa. - Để việc trích dẫn đảm bảo tính chính xác, khoa học, khách quan, các phần trích dẫn cần được ghi rõ nguồn gốc, bao gồm thông tin về tác giả, tên văn bản gốc, nơi công bố, thời gian công bố văn bản, vị trí của phần trích dẫn trong văn bản gốc. III. Phần bị tỉnh lược trong văn bản - Khái niệm: Phần bị tỉnh lược là phần thông tin ít quan trọng của văn bản gốc (theo cách nhìn và định hướng sử dụng văn bản của người tổ chức bản thảo) đã được rút ngắn hoặc cắt bỏ, giúp cho nội dung văn bản trích dẫn trở nên tập trung và cô đọng hơn. Phần bị tỉnh lược thường được đánh dấu bằng dấu ngoặc vuông và dấu ngoặc vuông và dấu ba chấm [...].
---	---

Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu sử thi



Phụ lục 2. Phiếu học tập tìm hiểu trích dẫn trong văn bản và phân bị tính lược trong văn bản

PHIẾU HỌC TẬP

Tri thức đọc hiểu: Trích dẫn trong văn bản, phần bị tình lược trong văn bản

Họ và tên:..... Lớp:.....



TRÍCH DẪN TRONG VĂN BẢN

Phân loại:

-
-

Trích dẫn

• KHÃI NIỆM:

.....
.....
.....

Trích dẫn

• KHÃI NIỆM:

.....
.....
.....
.....



LƯU Ý!!!

.....
.....
.....
.....

PHẦN BỊ TÌNH LƯỢC TRONG VĂN BẢN

-
-
-



Phụ lục 3. Rubric đánh giá hoạt động nhóm tìm hiểu về sử thi

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Nhật kí đọc sách (thể loại sử thi)

NHẬT KÍ ĐỌC SÁCH

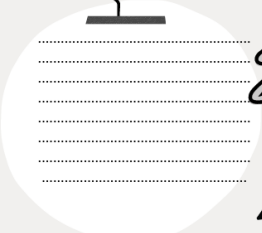
Nhiệm vụ: Hãy tìm đọc một văn bản thuộc thể loại sử thi và nhận diện các đặc trưng của văn bản đó.

Văn bản mà em đã đọc là:

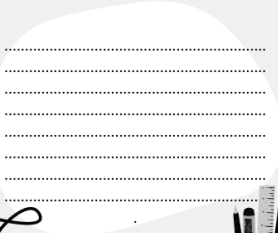
1.  cốt truyện



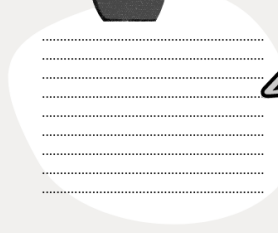
 2. Nhân vật



3.  Không gian



4.  Thời gian



 Lời kể



TIẾT 37,38. Ngày soạn 4/11/2023. VĂN BẢN ĐỌC

HÉC-TO TỪ BIỆT ĂNG-ĐRÔ-MÁC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh nhận biết và phân tích được** một số yếu tố đặc trưng của thể loại sử thi được thể hiện trong văn bản như nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, lời kể sử thi.
- ❖ **Học sinh nhận xét** được đặc sắc của văn hóa Hy Lạp cổ đại qua sử thi I-li-át.
- ❖ **Học sinh nhận xét** nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản, phân tích hình tượng người anh hùng trong sử thi Hy Lạp
- ❖ **Học sinh xác định** được ảnh hưởng của sử thi I-li-át trong văn hóa của nhân loại và ý nghĩa, giá trị của sử thi đối với đời sống đương đại.

2. Về năng lực:

- ❖ **Học sinh vận dụng** tri thức đọc hiểu để tìm hiểu các yếu tố: nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, lời kể sử thi trong văn bản “Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác”.
- ❖ **Học sinh vận dụng năng lực** viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

3. Về phẩm chất: Biết trân trọng các giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong những sáng tác ngôn từ thời cổ đại truyền đến ngày nay.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ	

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV cho HS xem một số hình ảnh về cuộc chiến thành Tơ-roa và nêu câu hỏi. ❖ HS theo dõi và nêu cảm nhận	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chiếu hình ảnh và nêu câu hỏi. - Yêu cầu: 1. Hình ảnh đề cập đến cuộc chiến nào? Em đã biết những thông tin gì về cuộc chiến đó? 2. Sau khi xem một số hình ảnh, em ấn tượng nhất về điều gì? Hãy chia sẻ với cả lớp. 3. Giả sử phải lựa chọn giữa việc thực hiện bổn phận với cộng đồng và với gia đình, em sẽ giải quyết tình huống ấy như thế nào? - Thời gian: 10 phút. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	HS trả lời câu hỏi theo quan điểm của mình Giáo viên nhấn mạnh về tầm quan trọng của sự kiện chiến tranh thành Tơ-roa, sự kiện này đã làm nên bối cảnh của sử thi I-li-át.
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI	

a. Mục tiêu hoạt động:

- ❖ **Học sinh nhận biết và phân tích được** một số yếu tố đặc trưng của thể loại sử thi được thể hiện trong văn bản như nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, lời kể sử thi.
- ❖ **Học sinh nhận xét** được đặc sắc của văn hóa Hy Lạp cổ đại qua sử thi I-li-át.
- ❖ **Học sinh nhận xét** nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản, phân tích hình tượng người anh hùng trong sử thi Hy Lạp
- ❖ **Học sinh xác định** được ảnh hưởng của sử thi I-li-át trong văn hóa của nhân loại và ý nghĩa, giá trị của sử thi đối với đời sống đương đại.
- ❖ **Học sinh vận dụng** tri thức đọc hiểu để tìm hiểu các yếu tố: nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, lời kể sử thi trong văn bản “Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác”.
- ❖ **Học sinh vận dụng năng lực** viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

b. Nội dung thực hiện:

- ❖ Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu về từng vị thần bằng nhiều hình thức khác nhau
- ❖ Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm:

TRÒ CHƠI AI NHANH HƠN

- **Luật chơi:** Trong thời gian 2 phút, mỗi nhóm tham gia sắp xếp các sự kiện sao cho phù hợp với cốt truyện của sử thi I-li-át. Nhóm nào hoàn thành nhanh nhất và chính xác nhất là nhóm chiến thắng (**Phụ lục 1**).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh chia nhóm và thực hiện trò chơi.

1. Biến cố đặc trưng của sử thi I-li-át qua đoạn trích “Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác”

a. Cốt truyện sử thi I-li-át

(1) KHÚC CA I: Cuộc chiến vây hãm thành Troa của quân A-kê-en, tức quân Hy Lạp, bước sang năm thứ mười vẫn không phân thắng bại. A-khin, dũng tướng tài giỏi nhất của quân Hy Lạp, tức giận vì bị chủ soái A-gamem-nông tước mất chiến lợi phẩm là nàng Bri-dê-ít, quyết không tham chiến, đồng thời qua mẹ của mình là nữ thần Thê-ti-xơ, cầu xin thần Dớt làm cho quân Hy Lạp thất bại. Thần

Giáo viên nêu câu hỏi: <i>Biến cố nào dẫn đến việc Héc-to phải từ biệt Ăng-đrô-mác? Vì sao có thể xem đó là biến cố đặc trưng cho thể loại sử thi?</i> Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về nội dung – nghệ thuật các truyện thần thoại.	Dốt hứa hẹn, nhưng chưa thực hiện lời hứa. (2) KHÚC CA II - IV: Thỏa thuận về một cuộc chiến tay đôi chấm dứt chiến tranh không thành, quân Hy Lạp và quân Tơ-roa lại tiếp tục giao chiến (3) HÉC-TO TỪ BIỆT ĂNG-ĐRÔ-MÁC – KHÚC CA VI: Cuộc chiến nơi hạ giới luôn có sự can thiệp của các vị thần chia làm hai phe ủng hộ hai bên. Quân Hy Lạp nhất thời giành thế áp đảo (khúc ca V). Hoàng tử Héc-to, chủ soái quân đội thành Tơ-roa, quay vào thành thúc giục binh sĩ, khẩn cầu nữ thần A-tê-na giúp đỡ. Chàng ghé về nhà thăm vợ con. (4) KHÚC CA VII: Sau khi từ biệt Ăng-đrô-mác, Héc-to ra trận, dũng cảm chiến đấu với dũng tướng A-giắc của quân Hy Lạp. (5) KHÚC CA VIII – X: Thần Dốt bắt đầu thực hiện lời hứa của mình: làm cho quân Hy Lạp thất thế trong khi A-khin kiên quyết không tham chiến. (6) KHÚC CA XI – XV: Quân Tơ-roa đánh lui quân Hy Lạp tới các chiến thuyền ngoài bờ biển. (7) KHÚC CA XVI: Pa-tơ-rô-clơ, chiến hữu thân cận của A-khin, mượn giáp trụ và vũ khí của A-khin xung trận. Pa-tơ-rô-clơ bị Héc-to giết chết.
---	---

	(8) KHÚC CA XVII: dũng tướng Mê-nê-lát kiên cường chiến đấu giành lại thi thể của Pa-tơ-rô-clơ. (9) KHÚC CA XVIII: A-khin nhận được tin báo Pa-tơ-rô-clơ tử trận. (10) KHÚC CA XIX – XXI: Nỗi đau thương và khát vọng trả thù cho bạn thôi thúc A-khin quay lại chiến trường, giành thể áp đảo cho quân Hy Lạp. (11) KHÚC CA XXII – XXIII: A-khin giết chết Héc-to, kéo xác chàng quanh thành. (12) KHÚC CA XXIV: A-khin trả lại thi hài Héc-to cho vua Pri-am khi xúc động trước nỗi đau của người cha tới chuộc xác con. Sử thi I-li-át khép lại với lễ an táng Héc-to cùng những binh sĩ tử trận của cả hai bên. b. Biến cố đặc trưng và ý nghĩa - Biến cố quan trọng dẫn đến việc Héc-to phải từ biệt Ăng-đrô-mác là việc thành Tơ-roa bị quân Hy Lạp vây hãm, tình thế hết sức nguy nan. * Ý nghĩa: - Đây là một biến cố đặc trưng của sử thi vì nó là sự kiện lớn, liên quan đến vận mệnh của cộng đồng.
--	--

	- Biến cố này đặt nhân vật Héc-to vào tình thế bắt buộc phải chọn lựa: + Ở lại thành Tơ-roa để giữ an toàn cho bản thân + Hay mở cổng thành, ra trận nghênh chiến với kẻ thù để thực hiện bổn phận và bảo toàn danh dự. - Thông qua quyết định lựa chọn đó, nhân vật bộc lộ rõ phẩm chất của mình.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên nêu yêu cầu nhiệm vụ: - Yêu cầu: Học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành các phiếu học tập để tìm hiểu về các yếu tố đặc trưng của sử thi: + NHÓM 1. Không gian sử thi + NHÓM 2. Đặc điểm cố định của nhân vật sử thi + NHÓM 3. Nhân vật Héc-to + NHÓM 4. Nhân vật Ăng-đrô-mác - Thời gian: 15 phút. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Thực hiện thảo luận trên lớp Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định	2. Đặc trưng của không gian sử thi trong đoạn trích - Các chi tiết biểu hiện không gian: + “<i>Héc-to về tới ngôi nhà êm ấm của mình, nhưng không thấy Ăng-đrô-mác cánh tay trắng ngần trong buồng như thường lệ</i>” + “<i>Nàng đứng trên tháp canh nước nở</i>” + “<i>Bà vừa đi vừa chạy lên thành</i>” + “<i>Héc-to tức thì rời nhà, chạy ngược theo những dãy phố thành Tơ-roa xây dựng khang trang. Xuyên qua phố xã thành Tơ-roa rộng lớn, chàng tới cổng X-kê</i>” - Đặc điểm của không gian nghệ thuật: Tình cảm riêng tư của nhân vật được bộc lộ trong cuộc trò chuyện ngay tại cổng thành – Biểu tượng của không gian cộng đồng trong chiến tranh. Trong lời đối thoại của Ăng-đrô-mác và Héc-to, hình ảnh của thành Tơ-roa cũng liên tục được nhắc tới.

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	® Không gian cộng đồng là không gian đặc trưng của sử thi: + Chiến trường, thành lũy, tháp canh, phố xá,... không chỉ là nơi nhân vật sử thi bộc lộ sức mạnh phi thường và phẩm chất can trường của mình, mà còn làm nền cho những tình cảm riêng tư nhất của con người. + Người anh hùng sử thi cũng là người gắn bó mật thiết với mảnh đất quê hương của họ, sự sống và cái chết, niềm vinh quang và nỗi đau khổ của họ đều gắn với sự tồn vong, thịnh suy của thành lũy, pháo đài,...
	3. Đặc điểm của thế giới nhân vật trong sử thi a. Nhân vật được khắc họa với những đặc điểm cố định - Đặc điểm của các nhân vật sử thi trong đoạn trích “Héc-tô từ biệt Ăng-đrô-mác” được khắc họa thông qua những từ ngữ lặp lại: + <i>Ăng-đrô-mác cánh tay trắng ngần</i> + <i>Cô hầu gái áo xống thướt tha</i> + <i>Những cô dâu trang phục diễm lệ</i> + <i>Các phu nhân thành Tơ-roa vấn tóc chỉnh tề</i> + <i>A-khin có đôi chân nhanh, ánh đồng sáng lóa, mũ trụ sáng loáng,...</i> ® Các từ ngữ này thường là các tính từ, các phép so sánh nhằm miêu tả đặc điểm bên ngoài hoặc phẩm chất bên trong của nhân vật, các

	danh từ hoặc cụm danh từ giúp giải thích về nguồn gốc, dòng dõi xuất thân của các nhân vật. - Nguyên nhân: Do sử thi tồn tại dưới hình thức truyền miệng, song lại có dung lượng lớn, câu chuyện vì thế không được kể liên tục mà bị ngắt quãng thành nhiều đoạn, do đó, để giúp người nghe có thể ghi nhớ, có ấn tượng sâu sắc về các nhân vật, người kể chuyện sử thi phải lặp đi lặp lại các từ ngữ miêu tả nhân vật. Những từ ngữ này thường được gọi là TÍNH NGỮ CỐ ĐỊNH, là một trong những đặc trưng rất quan trọng của thể loại sử thi. ® Tác dụng: Việc lặp lại các từ ngữ như vậy giúp cụ thể hóa và khắc ghi đặc điểm của nhân vật vào tâm trí của người đọc, đồng thời tạo nên nhịp điệu kể chuyện chậm rãi của sử thi. b. Nhân vật Ăng-đrô-mác - Lời nói: + “<i>Ôi, chàng thật tệ! Lòng can đảm của chàng sẽ hủy hoại chàng!</i>” + “<i>Ra trận, bọn A-kê-en nhất loạt xông lên sẽ tức khắc hạ sát chàng, chẳng mấy nữa thiếp thành góa phụ. Thiếp nguyện xuống mồ sâu còn hơn để mất chàng. Chàng bỏ thiếp lại một mình, còn gì tha thiết trên cõi đời này nữa</i>”. + “<i>Xin chàng hãy rủ lòng thương thiếp và con</i>
--	---

	<i>mà đừng ra trận, hãy ở lại trên tháp canh này, đừng để trẻ thơ phải mồ côi, vợ hiền thành góa phụ”.</i> + “<i>Hãy bố trí một tóa quân chốt chặn chỗ cây vả, nơi dễ leo lên tường thành, dễ vào thành nhất. Đã ba lần, những dũng sĩ quả cảm dưới sự chỉ huy của I-đô-mê-nê danh tiếng, của hai gã A-giắc, hai người con lừng danh của A-tơ-rê và người con trai dũng mãnh của Ti-đê tấn công vào chính chỗ này”</i> + ... - Hành động: + Nghe tin quân A-kê-en khí thế áp đảo, những chiến binh Tơ-roa buộc phải rút lui, phu nhân vội vã tới tòa tháp lớn thành I-li-ông. - Phẩm chất: Từ những hành động và lời nói của Ăng-đrô-mác một mặt cho thấy tình yêu thương của nàng đối với Héc-to, một mặt cho thấy ý thức về bổn phận của Ăng-đrô-mác. Trong tận cùng nỗi lo lắng và đau khổ, Ăng-đô-mác vẫn không quên nghĩ đến bổn phận và trách nhiệm của mình đối với thành Tơ-roa. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật và quan niệm nhân sinh của người Hy Lạp: + Tác giả miêu tả rất tinh tế diễn biến nội tâm của nhân vật Ăng-đrô-mác, đặc biệt là những ám ảnh về quá khứ, dự cảm về tương lai, sự đau khổ, giằng co giữa một bên là tình yêu đối
--	---

	với Héc-to, một bên là ý thức về bốn phận. + Qua nhân vật Ăng-đrô-mác, ta cũng có thể thấy được ý thức về cá nhân và cộng đồng của người Hy Lạp cổ đại. c. Nhân vật Héc-to - Hành động: quyết định mở cổng thành nghênh chiến với quân Hy Lạp. ® Nhân vật sử thi là nhân vật đại diện cho cộng đồng, hành động theo nguyên tắc danh dự. Ý thức về nỗi hổ thẹn nếu không xung trận, bầu nhiệt huyết, khát vọng chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân chính là động cơ thôi thúc Héc-to ra trận. Ở đây, ta có thể thấy, những tình cảm cá nhân như tình cảm gia đình, nỗi sợ hãi, lo lắng về tương lai dù rất sống động, vẫn bị gạt sang một bên trước bốn phận và danh dự. - Lời nói: + “Nhưng sẽ hổ thẹn xiết bao với những chiến binh và những người phụ nữ thành Tơ-roa xống áo thướt tha, nếu ta ở lại đây như kẻ hèn nhát, đứng nhìn từ xa, tránh không xung trận. Hơn nữa, bầu nhiệt huyết trong ta không cho phép ta làm vậy: từ lâu ta đã học cách luôn ở tuyến đầu, can trường, chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân”. + ... - Phẩm chất:
--	---

	+ Héc-to là người hết lòng thương yêu gia đình + Dũng cảm, ngoan cường, coi trọng danh dự, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ thành bang, sẵn sàng gạt tình riêng vì nghĩa lớn ® Phẩm chất của người anh hùng đại diện cộng đồng. - Hình mẫu về người anh hùng theo quan niệm của người Hy Lạp cổ đại qua nhân vật Héc-to: Sự kết hợp hài hòa giữa: + Con người cá nhân với ý chí tự do, tình cảm gia đình, tình bằng hữu bốn phận và danh dự + Con người cộng đồng với ý thức về trách nhiệm, bốn phận và danh dự. ® Tính hài hòa sử thi này đã tạo nên vẻ đẹp cao cả của các nhân vật anh hùng trong sử thi Hi Lạp. MỞ RỘNG: - Về nhân vật anh hùng trong sử thi “I-li-át”: Trong sử thi “I-li-át” có rất nhiều nhân vật anh hùng: A-khin sức mạnh phi thường, dũng mãnh vô song, Mê-nê;lát dũng cảm, kiêu hùng,... Tất cả các nhân vật này đều có chung các phẩm chất: dũng cảm, coi trọng danh dự, khát khao chiến thắng. Những nhân vật anh hùng của Hô-me-rơ dù có tính cách khác nhau, ở những chiến tuyến đối lập nhau, song vẫn có những phẩm chất giống nhau, là bởi họ đại diện cho lí tưởng, khát vọng của cộng đồng. Đó chính là đặc trưng của nhân vật sử thi.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về đoạn trích, học sinh vận dụng để rèn luyện kĩ năng viết. b. Nội dung thực hiện Học sinh thực hành kết nối đọc – viết	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên giao nhiệm vụ: <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một chi tiết mà bạn cho là đặc sắc nhất trong đoạn trích.</i> - Thời gian: 20 phút. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài làm mẫu Qua những tình tiết gây căng, hấp dẫn của khúc tráng ca về người anh hùng sử thi qua đoạn trích, độc giả không khỏi bồi hồi bởi vẻ đẹp sáng ngời qua phẩm chất của người anh hùng Hy Lạp cổ đại. Trong đó, một trong số những chi tiết góp phần làm nổi bật hình tượng người anh hùng sử thi chính là chi tiết kết thúc trích đoạn – lời dặn dò của Héc-to với Ăng-đrô-mác và cảnh chia tay. Ở chi tiết này, tác giả đã tập trung khắc họa một Héc-to với tấm lòng quả cảm, can trường bởi chàng ý thức rất rõ bổn phận của mình đối với cộng đồng, đây cũng là bổn phận chung của mỗi người đàn ông sinh ra tại thành I-li-ông này. Bên cạnh đó, Héc-to vẫn không quên trách nhiệm và bổn phận của mình đối với gia đình, các chi tiết về lời nói của chàng nhằm an ủi vợ mình trước lúc ra đi (“<i>Phu nhân khốn khổ của ta ơi! Nàng đừng dằn vặt lòng mình quá thế!</i>”) và hành động (“<i>cười qua hàng lệ</i>”) góp phần thể hiện bổn phận của người làm chủ gia đình. Chi tiết kết

	thúc đoạn trích là chi tiết đã để lại tiếng vang lớn nhất trong lòng người đọc bởi hình ảnh của một người anh hùng ra đi vì nghĩa lớn của thời đại văn học Hy-La.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Hiểu được ảnh hưởng của sử thi I-li-át trong văn hóa của nhân loại và ý nghĩa, giá trị của sử thi đối với đời sống đương đại. b. Nội dung thực hiện: HS liên hệ những giá trị nhân sinh từ đoạn trích đến đời sống hiện nay.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: SEMINAR “VĂN HỌC VÀ CUỘC SỐNG” - Nhiệm vụ: Học sinh lên ý tưởng và thiết kế sản phẩm (postcard, infographic, video clip,...) làm rõ ý nghĩa/ vấn đề nhân sinh từ đoạn trích “Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác” và liên hệ với cuộc sống hiện nay.	HS lên ý tưởng và thiết kế sản phẩm theo yêu cầu. Bố trí lớp học phù hợp với hình thức một buổi SEMINAR. Gợi ý cho HS thực hiện: - Đoạn trích đã đặt ra vấn đề số phận của con người trong chiến tranh: + Chiến tranh không chỉ cướp đi sinh mệnh của những người thân yêu của Ăng-đrô-mác, mà còn trở thành một nỗi sợ hãi, ám ảnh, thành dự cảm chẳng lành của nàng khi nghĩ về tương lai. + Trong hình dung của Héc-to, chiến tranh không những có thể khiến chàng bị vùi xác nơi sa trường, mà còn để lại những nỗi thống khổ, nhục nhã và đau xót cho người thân của chàng. Vấn đề này là vấn đề muôn thuở của nhân loại, vì ngày nay, chiến tranh vẫn luôn là nỗi ám ảnh của nhiều quốc gia trên thế giới. - Đoạn trích đặt ra vấn đề trách nhiệm và bổn
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình	
Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	

	phận của con người với cộng đồng. Héc-to đã quyết tâm mở công thành vì trách nhiệm, bổn phận của chàng là bảo vệ Tơ-roa. Con người dù sống ở bất cứ thời đại nào đều là một cá thể trong cộng đồng, đều có những nghĩa vụ và trách nhiệm nhất định với cộng đồng của mình. Vì thế, vấn đề được đặt ra trong sử thi cũng là vấn đề có ý nghĩa nhân loại. - Đoạn trích gợi những suy tư về mối quan hệ giữa con người và định mệnh. Héc- to và Ăng-đrô-mác đều có dự cảm và thậm chí biết rõ sẽ tới ngày thành Tơ-roa thất thủ, đều biết rõ cái chết và nỗi đau khổ sẽ xảy đến với mình. Nhưng ý thức về danh dự và bổn phận đã giúp cho Héc-to đủ can đảm đối diện với định mệnh. Tuy quan niệm của con người đương đại về định mệnh có thể khác với quan niệm của người Hy Lạp cổ xưa, nhưng những suy tư về định mệnh vẫn thường trực trong tâm thức nhân loại ở bất cứ thời đại nào. Vũ khí để con người chống chọi với định mệnh chính là khả năng nghĩ đến nhau, kết nối, thương yêu nhau trong một cộng đồng và ý thức về bổn phận, danh dự đối với cộng đồng như minh chứng cho sự tồn tại của một nhân cách.
--	---

Phụ lục 1. Nội dung trò chơi “Ai nhanh hơn”

1 - (a) Cuộc chiến vây hãm thành Tơ-roa của quân A-kê-en, tức quân Hy Lạp không phân thắng bại.

6 - (b) Héc-to giết chết Pa-tơ-rô-clơ.

2 - (c) Thỏa thuận về cuộc chiến tay đôi chấm dứt chiến tranh không thành, quân Hy Lạp và quân Tơ-roa tiếp tục giao chiến.

4 - (d) Héc-to ra trận, dũng cảm chiến đấu.

9 - (e) A-khin trả lại thi hài Héc-to cho vua Pri-am khi xúc động trước nỗi đau của người cha tới chuộc xác con.

5 - (f) Quân Tơ-roa đánh lui quân Hy Lạp.

7 - (g) Nỗi đau thương và khát vọng trả thù thôi thúc A-khin quay lại chiến trường, giành thế áp đảo cho quân Hy Lạp.

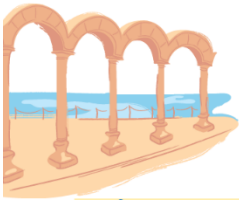
3 - (h) Quân Hy Lạp giành thế áp đảo, hoàng tử Héc-to quay vào thúc giục binh sĩ, khẩn cầu nữ thần A-tê-na. Chàng ghé về nhà thăm vợ con.

8 - (i) A-khin giết chết Héc-to, kéo xác chàng quanh thành.

Phụ lục 2. Một số Phiếu học tập khám phá kiến thức mới

Nhóm _____

Lớp: _____



Phiếu học tập

Không gian sử thi



YÊU CẦU:

Hãy liệt kê các chi tiết thể hiện không gian và cho biết đặc trưng của không gian sử thi được thể hiện qua đoạn trích "Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác".



Đặc trưng

Nhóm _____

Lớp: _____

Phiếu học tập

Đặc điểm cố định của nhân vật sử thi



YÊU CẦU:

Xác định những từ ngữ lặp lại khắc họa đặc điểm cố định của nhân vật trong đoạn trích? Giải thích vì sao sử thi lại có cách khắc họa nhân vật như vậy? Tác dụng của việc này là gì?

TỪ NGỮ LẶP LẠI

.....

.....

.....

.....

.....



NGUYÊN NHÂN

.....

.....

.....

.....

.....



TÁC DỤNG

.....

.....

.....

.....

.....

Nhóm

Lớp:

Phiếu học tập

Nhân vật Héc-tơ

Hãy liệt kê một số chi tiết miêu tả lời nói và hành động của nhân vật Héc-tơ. Từ đó rút ra các vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật



HÀNH ĐỘNG

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

LỜI NÓI

.....

.....

.....

.....

.....

.....



HÉC-TÔ

PHẨM CHẤT

.....

.....

.....

.....

Nhóm

Lớp:

Phiếu học tập

Nhân vật Ăng-đrô-mác

Hãy liệt kê một số chi tiết miêu tả lời nói và hành động của nhân vật Ăng-đrô-mác. Từ đó rút ra các vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật



HÀNH ĐỘNG

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



LỜI NÓI

.....

ĂNG-ĐRÔ-MÁC

.....

.....

.....

.....

**PHẨM
CHẤT**

.....

.....

.....

.....

Phụ lục 2. Rubric chấm phần thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên	1 điểm Hoạt động tương đối gắn	2 điểm Hoạt động gắn kết

	chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 3. Rubric chấm bài viết viết KẾT NỐI VỚI ĐỌC

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			

TỔNG	
-------------	--

TIẾT 39,40. Ngày soạn 7/11/2023. VĂN BẢN ĐỌC

ĐẰM SẴN ĐI BẮT NỮ THẦN MẶT TRỜI

(Trích Đăm Săn, Sử thi Ê-đê)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh nhận biết và phân tích được** một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- ❖ **Học sinh nhận xét** nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.
- ❖ **Học sinh nêu ý nghĩa** hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.

2. Về năng lực

- ❖ **Học sinh vận dụng** năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại.
- ❖ **Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc.

3. Về phẩm chất: Học sinh biết trân trọng những giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong sử thi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	

b. Nội dung thực hiện: ❖ GV cho HS thực hiện các nhiệm vụ tìm hiểu về văn hóa của người Ê-đê	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ vào buổi học trước: - NHÓM 1. Làm poster giới thiệu trang phục của người Ê-đê. - NHÓM 2. Thuyết trình về ẩm thực của người Ê-đê. - NHÓM 3. Làm mô hình nhà ở của người Ê-đê.	GV gợi ý các nhiệm vụ cho HS: - NHÓM 1. Làm poster giới thiệu trang phục của người Ê-đê: Sưu tầm ảnh chụp, video,... về một bộ trang phục của người Ê-đê, tìm hiểu về chất liệu, cách làm, các họa tiết, sự biến đổi trong trang phục của người Ê-đê từ truyền thống đến hiện đại, ý nghĩa văn hóa, triết lí, quan niệm ẩn sau các trang phục đó. - NHÓM 2. Thuyết trình về ẩm thực của người Ê-đê: Giới thiệu một món ăn truyền thống của người Ê-đê, các nguyên liệu, cách chế biến, hương vị, ý nghĩa văn hóa của món ăn. - NHÓM 3. Làm mô hình nhà ở của người Ê-đê: Tìm hiểu về chất liệu, cách xây dựng, cách bài trí không gian, ý nghĩa văn hóa của ngôi nhà, sau đó sử dụng các vật liệu quen thuộc như bìa các-tông, gỗ để sáng tạo mô hình một ngôi nhà của người Ê-đê.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi: <i>Vì sao cần tìm hiểu các thông tin về văn hóa của người Ê-đê trước khi đọc sử thi Đăm Săn?</i>	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ	
Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật: - Vẻ đẹp phẩm chất của người anh hùng Đăm Săn thông qua các sự kiện, chi tiết tiêu biểu. - Nghệ thuật kể chuyện của sử thi Ê-đê qua đoạn trích: ngôi kể, lời kể, lời miêu tả,	

đối thoại.

- Ý nghĩa của hình tượng nữ thần mặt trời trong sử thi Đăm Săn.

❖ **Học sinh nhận xét** nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.

❖ **Học sinh nêu** ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.

b. Nội dung thực hiện:

❖ Học sinh thực hiện phiếu học tập tìm hiểu về nhân vật Đăm Săn.

❖ Học sinh thảo luận, thuyết trình theo yêu cầu.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên phát phiếu học tập

HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về nhân vật Đăm Săn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu

Thời gian: 10 phút

Chia sẻ: 3 phút

Phản biện và trao đổi: 2 phút

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

1. Vẻ đẹp phẩm chất của người anh hùng Đăm Săn

- *Một số sự kiện chính trong đoạn trích:*

(1) Đăm Săn rủ Đăm Par Kvây đi bắt Nữ thần Mặt Trời.

(2) Đăm Par Kvây khuyên Đăm Săn không nên đi vì đường đi nguy hiểm, Đăm Săn có thể chết trong Rừng Sáp Đen.

(3) Đăm Săn vẫn quyết tâm đến nhà của Nữ Thần Mặt Trời.

(4) Đăm Săn gặp Nữ thần Mặt Trời, ngỏ ý muốn lấy nàng làm vợ.

(5) Nữ thần Mặt Trời từ chối và khuyên Đăm Săn trở về.

(6) Đăm Săn trở về và chết trong Rừng Sáp Đen.

® **Phẩm chất của Đăm Săn:** Những sự kiện trong đoạn trích thể hiện khát vọng mãnh liệt,

	lòng quyết tâm chinh phục Nữ Thần Mặt Trời, sự mạnh mẽ, dũng cảm của Đăm Săn. - Ý nghĩa chi tiết cái chết của Đăm Săn trong <i>Rừng Sáp Đen</i>: + Cái chết của Đăm Săn càng tô đậm phẩm chất dũng cảm, ý chí tự do, quyết tâm mãnh liệt và ý thức về danh dự của người anh hùng, dù có chết cũng không từ bỏ lí tưởng của mình. + Cái chết là một thách thức mới và cũng là thách thức cao nhất cho ý chí tự do và lòng can đảm của Đăm Săn. Mô tả cái chết của Đăm Săn là nhằm nhấn mạnh sự tái sinh của Đăm Săn trong hình tượng Đăm Săn cháu, người sẽ tiếp nối hành trình của chàng trong phần tiếp theo của sử thi. + Cái chết của Đăm Săn thể hiện bi kịch của người anh hùng cộng đồng trong hành trình chinh phục của họ.						
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia nhóm để HS thuyết trình: - Nhóm 1. Nghệ thuật kể chuyện trong sử thi. - Nhóm 2. Hình tượng nữ thần Mặt Trời trong sử thi Đăm Săn. - Nhóm 3. Đặc trưng phong tục, tập quán người Ê-đê trong sử thi Đăm	2. Nghệ thuật kể chuyện của sử thi Ê-đê qua đoạn trích (ngôi kể, lời kể, lời miêu tả, đối thoại) <table><tr><th>Yếu tố</th><th>Đặc điểm</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td>Người kể chuyện</td><td>- Ngôi thứ ba - Kể từ điểm nhìn bên ngoài, là người kể</td><td>- Câu chuyện trở nên khách quan, chân thực.</td></tr></table>	Yếu tố	Đặc điểm	Tác dụng	Người kể chuyện	- Ngôi thứ ba - Kể từ điểm nhìn bên ngoài, là người kể	- Câu chuyện trở nên khách quan, chân thực.
Yếu tố	Đặc điểm	Tác dụng					
Người kể chuyện	- Ngôi thứ ba - Kể từ điểm nhìn bên ngoài, là người kể	- Câu chuyện trở nên khách quan, chân thực.					

Săn. - Thời gian: 20 phút. - Sản phẩm: Giấy A0, Infographic, video clip,... Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản		chuyện hòa mình vào đám đông, vào cộng đồng để kể câu chuyện về Đăm Săn.	
	Hình thức kể chuyện	- Các thủ pháp khoa trương, cường điệu, so sánh thường được sử dụng một cách thường xuyên. - Cách kể chuyện chậm rãi, thường dừng lại ở những tiết đoạn cao trào.	- Giúp người đọc hình dung một cách cụ thể, sống động về nhân vật, đồng thời thể hiện sự ngưỡng mộ đối với nhân vật và câu chuyện được kể. - Tạo điểm nhấn và sự hồi hộp chờ đợi cho người đọc.
	Lời kể	- Có sự phối	- Giúp người

		hợp giữa kể, tả, bình luận, lời cuốn người đọc bằng lối miêu tả tỉ mỉ.	đọc hình dung được một cách sống động về nhân vật, bối cảnh.
	Lời đối thoại	- Thể hiện rõ giọng điệu, cá tính của từng nhân vật.	- Tiêu biểu cho lời kể của sử thi, vừa thể hiện sắc thái riêng của lối kể khan của người Tây Nguyên.
3. Ý nghĩa của hình tượng nữ thần mặt trời trong sử thi Đăm Săn - Nữ Thần Mặt Trời là biểu trưng cho sức mạnh của tự nhiên (<i>“nếu ta đi thì lợn dưới gà trên, cọp tê giác trâu ngựa sẽ chết hết”</i>). Hành động quyết tâm đi bắt Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn thể hiện khát vọng lớn lao và phẩm chất dũng cảm phi thường của Đăm Săn, đồng thời cũng thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên của cộng đồng người Ê-đê. - Nữ thần Mặt Trời còn biểu trưng cho chế độ mẫu hệ (vẻ đẹp quyền lực và nữ tính: <i>“nàng mặc một váy ánh như sét, loáng như chớp,</i>			

	<i>tiếng nàng lanh lảnh, người chưa tới mà tiếng đã tới, nàng rõ ràng là con của Thần Đất và Thần Trời rồi”)</i> và hành động quyết tâm chinh phục Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn còn là biểu tượng cho xung đột quyền giữa người đàn ông và người phụ nữ trong xã hội mẫu hệ Ê-đê. - Nữ thần Mặt Trời là biểu tượng của những vùng đất mới (<i>“Chàng đi hết rừng rậm đến núi xanh, cỏ tranh xé tay, gai mây đâm chân”</i>). Hành động quyết tâm đi bắt Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn biểu trưng cho khát vọng chinh phục của vùng đất mới của cộng đồng. - Đăm Săn quyết tâm đi bắt Nữ Thần Mặt Trời, bất chấp can ngăn của mọi người. Hành động đó thể hiện ý chí tự do của người anh hùng mang lí tưởng cộng đồng. 4. Đặc trưng phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê qua đoạn trích - Đoạn trích cho ta thấy một bức tranh vô cùng sống động về phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê: + Nhà sàn Ê-đê với nhiều hàng cột, xà ngang, xà dọc, có cầu thang. + Các vật dụng của người Ê-đê như ché tuk, chiếu, chiêng, mâm đồng, chày thau,... biểu thị của sự giàu có, sung túc. + Khi có khách đến, người ta đánh chiêng, trải chiếu, rót rượu trong ché tuk mời khách.
--	---

	+ Người đàn ông khi đi rừng thường giắt theo chà gạc. + Ông Đu, ông Điê là những vị thần cao nhất trong hệ thống thần của người Ê-đê.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc. b. Nội dung thực hiện - Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc về ý nghĩa của sử thi đối với con người hiện đại.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên giao nhiệm vụ: <i>Phải chăng một tác phẩm sử thi ra đời ở một thời đại quá xa xôi như I-li-át hay Đăm Săn không còn nhiều ý nghĩa đối với con người hiện đại? hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày quan điểm của bạn.</i> - Thời gian: 15 phút. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình. Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài làm mẫu Có lẽ trong văn học dân gian thế giới, sử thi Tây Nguyên được xếp vào loại có dung lượng lớn nhất. Nhưng điều quan trọng hơn là dù ngắn dài, sử thi Tây Nguyên là một bức tranh toàn cảnh của cả một thời đại, phản ánh một cách trung thực, sinh động đời sống sinh hoạt cộng đồng, cuộc đấu tranh vì những ý tưởng nhân văn cao cả mà sự kiện trung tâm là hình ảnh những anh hùng thần thoại, những anh hùng của buôn làng Tây Nguyên từng được bao thế hệ, bao đời nay ngưỡng mộ như Đăm Săn, Đăm Di, Dyông Dư,... mà đồng bào Tây Nguyên gọi là các Mtao. Có thể nói, sử thi Tây Nguyên là một bản anh hùng ca hùng tráng góp phần làm phong phú thêm giá trị văn hóa tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam với hàng ngàn năm lịch sử dựng nước, giữ

	nước, đấu tranh kiên cường, bất khuất để sinh tồn và phát triển. (Tham khảo từ http://quehuongonline.vn/ban-sac-van-hoa/su-thi-tay-nguyen--kho-tang-van-hoa-tinh-than-vo-gia-20151116094847125.htm)
--	---

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ với đoạn trích “Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác”.

b. Nội dung thực hiện: HS trình bày và chia sẻ ý tưởng

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ:

- **Nhiệm vụ:** Qua hai đoạn trích Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác và Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời, hãy nêu những điểm tương đồng và khác biệt trong quan niệm của người Hy Lạp cổ đại và người Ê-đê về người anh hùng.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy ngẫm và thực hiện

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

	Héc-to	Đăm Săn
Ngoại hình	- Hiên ngang, khí thế của người anh hùng “Héc-to lấy lòng, mũ trụ sáng loáng”	- Toát lên vẻ mạnh mẽ của người anh hùng buồn lòng: “đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa”, “mặc một áo lụa đẹp, khoác ngoài một áo chiến cũng thật là đẹp”, “giậm chân trên sàn sên, hai lần sấn sấn làm như vỗ cánh,

			bảy hàng cột nhà chao qua chao lại từ đông sang tây”, “lông chân như chải, lông đùi như chuốt, tiếng nghe như chong chóng gỗ mỡ”. - Khí phách hiên ngang: “trông nghênh nghênh như con rắn trong hang, ngang như con cọp trong đầm, như con tê giác trong thung”, “tiếng oang oang như sấm gầm sét dậy”
	Phẩm chất	- Sức mạnh phi thường, ý chí mạnh mẽ, phẩm chất can trường, dũng cảm đối mặt và vượt qua	

		thử thách của định mệnh và cái chết.	
		- Con người cá nhân đặc biệt được nhấn mạnh.	- Bình diện con người cá nhân không được chú trọng miêu tả.
	Ý chí/Khát vọng	- Héc-to bất chấp cái chết để được báo trước để bảo vệ thành bang.	- Đăm Săn bất chấp cái chết để chinh phục nữ thần mặt trời.
	Nghệ thuật miêu tả	- Người anh hùng Hy Lạp cổ đại gắn với sự hi sinh và bốn phần với thành bang, ý thức công dân là phẩm chất quan trọng nhất của người anh hùng.	- Người anh hùng Ê-đê gắn với khát vọng mở mang bờ cõi, chinh phục tự nhiên.

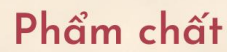
Phụ lục 1. Phiếu tìm hiểu nhân vật Đăm Săn

Phiếu học tập



Nhân vật Đăm Săn

Sự kiện chính

[illegible][illegible]

Ý nghĩa chi tiết cái chết của Đăm Săn trong Rừng Sáp Đen

Phụ lục 3. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động

Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Rubric chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 41. Ngày soạn 10/11/2023. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

SỬ DỤNG TRÍCH DẪN, CƯỚC CHÚ VÀ CÁCH ĐÁNH DẤU PHẦN BỊ TÍNH LƯỢC TRONG VĂN BẢN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh **hiểu được** cách đánh dấu phần bị tính lược trong văn bản.
- ❖ Học sinh **hiểu được** cách sử dụng trích dẫn và ghi cước chú.

2. Về năng lực

- ❖ Học sinh **vận dụng** năng lực ngôn ngữ để giải bài tập.

3. Về phẩm chất: Trung thực, chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân. Có ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới	
a. Mục tiêu hoạt động:	
❖ Học sinh hiểu được một số kiến thức về trích dẫn trong văn bản và phần bị tính lược trong văn bản.	
❖ Học sinh vận dụng kiến thức đã tìm hiểu để trả lời câu hỏi theo yêu cầu.	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ Học sinh trả lời câu hỏi liên quan đến trích dẫn trong văn bản và phần bị tính lược	

trong văn bản.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên nêu nhiệm vụ học tập:

Câu 1. *Em hãy so sánh giữa hình thức trích dẫn trực tiếp và trích dẫn gián tiếp trong văn bản?*

Câu 2. *Hãy xác định hình thức trích dẫn được sử dụng trong các ví dụ sau:*

a. Mỗi khi bắt đầu câu chuyện, “Bok Sung gõ ống điều xuống sàn nhà” [5, tr.59]. Và “Ông cụ (Mét) gõ ống điều lên đầu ông Táo” [5, tr.145]... Bắt đầu vào chuyện bao giờ cũng vậy, khi người kể gõ gõ ống điều thì mọi âm thanh phải ngưng bật, “vở diễn sẽ được bắt đầu.

[5] Nguyên Ngọc (1999), *Tháng Ninh Nông*, Nxb Đà Nẵng.

(Trích *Văn học với văn hóa kể khan Tây Nguyên*, Đặng Văn Vũ, tạp chí ĐHSP TP HCM, số 23/2010).

b. Khi nói về đức tính giản dị của Bác Hồ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhận xét: Giản dị trong cuộc sống, trong quan hệ với mọi người, trong cách cư xử, Hồ Chủ tịch cũng rất giản dị trong lời nói và chữ viết, vì lợi ích của quần chúng để hiểu, nhớ và

Gợi ý câu trả lời:

Câu 1.

	Trích dẫn trực tiếp	Trích dẫn gián tiếp
Giống nhau	- Sử dụng trong văn bản nhằm trình bày những quan điểm, ý kiến từ các tài liệu mà người viết đã tham khảo trong quá trình tạo lập văn bản để hỗ trợ làm rõ cho ý kiến, quan điểm của mình.	
Khác nhau	- Trích nguyên văn. - Đặt trong dấu ngoặc kép.	- Diễn đạt lại theo cách viết của mình, trung thành với văn bản gốc. - Không cần đặt trong dấu ngoặc kép.

Câu 2: a. Trích dẫn trực tiếp.

b. Trích dẫn gián tiếp.

Câu 3: Tác dụng của việc tinh lược một số thông tin trong văn bản nhằm giúp cho văn bản trích dẫn trở nên tập trung và cô đọng hơn.

làm (Phạm Văn Đồng, <i>Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tri của thời đại</i>). Câu 3. Tác dụng của việc tỉnh lược trong văn bản là gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện các bài tập. b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các bài tập trong Sách giáo khoa.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện đọc và thực hành Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định	Bài tập 1: a. Lời trích dẫn trong đoạn văn giới thiệu về tác giả Hô-me-rơ không sử dụng dấu ngoặc kép vì đây là lời trích dẫn gián tiếp, tác giả không dùng nguyên văn tài liệu tham khảo. b. Nội dung của phần được đưa vào ngoặc kép là trích dẫn nguyên vẹn một nhận định của M.Ga.xpa-rốp (Mikhail Gasparov).

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	c. Phần được đánh dấu ngoặc vuông [...] trong đoạn là phần đã được người viết tinh lược, nhằm làm cho các thông tin cô đọng hơn. Bài tập 2: a. Phần cước chú ở chân trang giúp giải nghĩa các từ ngữ, bổ sung, diễn giải chi tiết về các thông tin được nhắc tới trong văn bản, giúp người đọc có thêm tri thức nền để hiểu sâu về văn bản. Trong một văn bản sử thi, những thông tin trong phần cước chú càng đặc biệt quan trọng, giúp người đọc hiểu rõ ngữ cảnh văn hóa xung quanh văn bản. b. Đoạn văn có hai cước chú, gồm: giải thích từ ngữ, giải thích các điển cố, bổ sung thông tin.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh hiểu được sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ. b. Nội dung thực hiện: HS thiết kế một infographic giới thiệu về sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện vẽ, thiết kế infographic hoặc làm video giới thiệu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình	GV và HS tham khảo mẫu infographic ở phần phụ lục.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Phục lục 1. Infographic về sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ



Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết mọi vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên. Đối tượng không được bảo hộ bằng quyền sáng chế gồm:

SÁNG CHẾ

Phát minh, lý thuyết khoa học, phương pháp toán học

Sơ đồ, kế hoạch, quy tắc và phương pháp để thực hiện các hoạt động tri óc, huấn luyện vật nuôi, thực hiện trò chơi, kinh doanh; chương trình máy tính

Cách thức thể hiện thông tin

Giải pháp chỉ mang đặc tính thẩm mỹ



Giống thực vật, giống động vật

Quy trình sản xuất thực vật, động vật chủ yếu mang bản chất sinh học mà không phải là quy trình kỹ thuật

Phương pháp phòng ngừa, chẩn đoán và chữa bệnh cho người và động vật

Kiểu dáng công nghiệp là hình thức bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này. Nhưng đối tượng không được bảo hộ bằng quyền công nghiệp bao gồm:

Kiểu Dáng Công Nghiệp



Hình dáng bên ngoài của sản phẩm do đặc tính kỹ thuật của sản phẩm bắt buộc phải có



Hình dáng bên ngoài của công trình xây dựng dân dụng hoặc công nghiệp



Hình dáng của sản phẩm không nhìn thấy được trong quá trình sử dụng sản phẩm

Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này. Nhưng đối tượng không được bảo hộ như công nghiệp bao gồm:

Kiểu DÁNG CÔNG NGHIỆP



Hình dáng bên ngoài của sản phẩm do đặc tính kỹ thuật của sản phẩm bắt buộc phải có



Hình dáng bên ngoài của công trình xây dựng dân dụng hoặc công nghiệp



Hình dáng của sản phẩm không nhìn thấy được trong quá trình sử dụng sản phẩm

Nhãn hiệu là dấu hiệu đang để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau. Những dấu hiệu sau đây sẽ không được bảo hộ dưới dạng nhãn hiệu gồm:

Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với hình quốc kỳ, quốc huy của các nước

01

Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với biểu tượng, cờ, huy hiệu, tên viết tắt, tên đầy đủ của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của Việt Nam và tổ chức quốc tế, nếu không được cơ quan, tổ chức đó cho phép

02

Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên thật, biệt hiệu, bút danh, hình ảnh của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân của Việt Nam, của nước ngoài

03

Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với dấu chứng nhận, dấu kiểm tra, dấu bảo hành của tổ chức quốc tế mà tổ chức đó có yêu cầu không được sử dụng, trừ trường hợp chính tổ chức này đăng ký các dấu đó làm nhãn hiệu chứng nhận

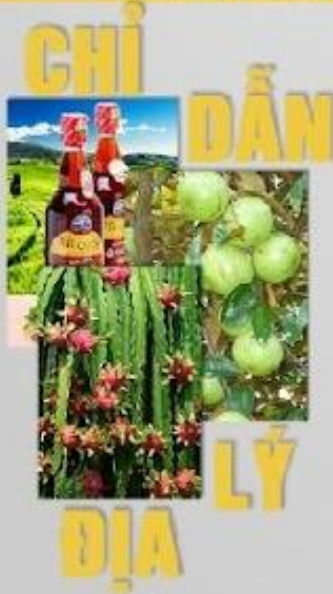
04

Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ

05

NHÃN HIỆU

Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể. Những đối tượng này không được bảo hộ dưới dạng chỉ dẫn địa lý.



Tên gọi, chỉ dẫn đã trở thành tên gọi chung của hàng hoá ở Việt Nam

Chỉ dẫn địa lý của nước ngoài mà tại nước đó chỉ dẫn địa lý không được bảo hộ, đã bị chấm dứt bảo hộ hoặc không còn được sử dụng

Chỉ dẫn địa lý trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đang được bảo hộ, nếu việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó được thực hiện thì sẽ gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm

Chỉ dẫn địa lý gây hiểu sai lệch cho người tiêu dùng về nguồn gốc địa lý thực của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đó

Phụ lục 2. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động

Điểm			
TỔNG			

TIẾT 42. Ngày soạn 12/11/2023. VIẾT

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh** nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo
- ❖ **Học sinh** trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ thông tin xác thực
- ❖ **Học sinh** khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có
- ❖ **Học sinh** biết cách đặt tên và liệt kê danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để tạo lập báo cáo nghiên cứu

3. Về phẩm chất: Tỉ mỉ, ham học hỏi và nghiên cứu chuyên sâu vấn đề

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	

b. Nội dung thực hiện: ❖ GV yêu cầu: Con hãy tìm và sưu tầm các bài báo cáo nghiên cứu. Cho biết bối cảnh sử dụng, chức năng của báo cáo nghiên cứu	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án 1. Tên một số báo cáo nghiên cứu - Các yếu tố tác động đến quyết định mua bảo hiểm y tế của người dân tại tỉnh Phú Yên - Các yếu tố tác động đến hành vi bạo lực học đường của học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Ý thức và hành vi bảo vệ môi trường của sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh - Giá trị của bữa cơm gia đình trong lối sống nhanh của xã hội hiện nay - Giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh các trường THCS trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh 2. Bối cảnh sử dụng và chức năng - Hội nghị nghiên cứu, họp hành, giải pháp cho các vấn đề tồn tại,.... - Chức năng: thể hiện năng lực người nghiên cứu, đưa ra giải pháp cho các vấn đề, đưa ra ý tưởng sáng tạo mới, ...
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo ❖ Học sinh trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm	

sáng rõ thông tin xác thực

- ❖ **Học sinh khai thác** được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có
- ❖ **Học sinh biết** cách đặt tên và liệt kê danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.

b. Nội dung thực hiện:

- ❖ Học sinh tìm hiểu bài viết tham khảo “Một số dấu ấn của sử thi Ấn Độ Ra – ma – ya – na trong văn hóa Việt Nam”
- ❖ Học sinh định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kỹ bài viết tham khảo và tự trả lời các câu hỏi cuối bài
- HS thực hành viết

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh trả lời câu hỏi

Học sinh rút ra được các bước để thực hiện một báo cáo nghiên cứu

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức

● Hướng dẫn trả lời câu hỏi trong bài tham khảo

1. Vấn đề (câu hỏi) nghiên cứu của tác giả trong bài viết là gì?

Vấn đề nghiên cứu của tác giả trong bài viết là dấu ấn của sử thi Ấn Độ Ra-ma-ya-na trong văn hóa Việt Nam.

2. Để triển khai bài viết, tác giả đã sử dụng những luận điểm chính nào?

Những luận điểm chính được tác giả sử dụng để triển khai bài viết là:

- Dấu ấn của sử thi Ra-ma-ya-na trong văn học dân gian và văn học viết thời trung đại
 - + Sử thi Tewa Muno được xem là phiên bản bản địa của Ra-ma-ya-na
 - + Dạ thoa vương, truyện truyền kì ra đời dưới thời nhà Trần là một phiên bản tóm lược của sử thi này

	- Dấu ấn của sử thi Ra-ma-ya-na trong nghệ thuật điêu khắc - Dấu ấn của sử thi Ra-ma-ya-na trong văn hóa đương đại 3. Tác giả đã sử dụng những loại bằng chứng nào để làm sáng tỏ các luận điểm chính? Để làm sáng tỏ các luận điểm chính của mình, tác giả đã đưa ra rất nhiều bằng chứng để chứng minh, có những loại bằng chứng chính sau: - Bằng chứng liên quan đến những đặc trưng của thể loại sử thi: “Trong sử thi của người Chăm... nhân vật” - Bằng chứng liên quan đến văn hóa của dân tộc tiếp nhận dấu ấn (Chăm): “Trong văn hóa cộng đồng của Việt Nam... đậm nét nhất” - Bằng chứng liên quan đến vật thể: “Tại bảo tàng điêu khắc... sử thi Ấn Độ” ● Chia sẻ phần các thao tác và kĩ năng khi viết bài 1. Chuẩn bị viết - Lựa chọn đề tài: Hãy bắt đầu bằng điều khiến em cảm thấy hứng thú và quan tâm nhất sau khi đọc một tác phẩm văn học hay một tài liệu. Điều gì hấp dẫn? Điều gì muốn tìm hiểu thêm? Có điều gì mâu thuẫn hoặc chưa sáng tỏ hay không?
--	---

	- Thu thập thông tin: Để có được thông tin cần thiết cho báo cáo nghiên cứu, cần tìm đọc các sách, báo có liên quan. Các tài liệu trên mạng cần khai thác, đánh dấu những từ khóa. Trước khi sử dụng thông tin cần kiểm tra độ tin cậy dựa vào những tiêu chí: Tác giả của tài liệu? Có phải chuyên gia uy tín không? Nội dung có khách quan và thuyết phục không? 2. Xây dựng đề cương - Cần tập hợp các thông tin thu thập được thành các ý, xoay quanh những câu hỏi chung: Vấn đề được chọn nghiên cứu có thể triển khai như thế nào? Những khía cạnh nào của vấn đề cần được tập trung tìm hiểu, khám phá? Vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa gì? Câu trả lời cho những câu hỏi trên có thể tìm thấy trong những thông tin bạn đã thu thập, từ bước thực hành viết hoặc thu thập thêm (nếu cần) - Đề cương nghiên cứu cần những nội dung sau + Đặt vấn đề: Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu + Giải quyết vấn đề: Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng + Kết luận: Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới.
--	--

	+ Tài liệu tham khảo: Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố - Cũng có thể trình bày đề cương dưới dạng sơ đồ. Xác định ý tưởng trung tâm và viết quan điểm nghiên cứu dưới dạng một câu, sau đó phát triển trung tâm thành các ý chính, ý phụ và lựa chọn các dữ liệu, bằng chứng để làm sáng tỏ các ý. 3. Viết - Triển khai mỗi luận điểm đã được xác định trong dàn ý thành một đoạn văn. Mỗi đoạn văn cần có câu chủ đề, được đặt ở đầu hoặc ở cuối câu - Chú ý sử dụng ngôn ngữ phù hợp (sử dụng đại từ nhân xưng “chúng tôi” thay “tôi”, sử dụng các số liệu, thông tin khách quan hay vì nêu nhận định cảm tính) - Sử dụng các từ ngữ liên kết để thể hiện mối quan hệ logic - Cần ghi nguồn đúng cách khi trích dẫn trực tiếp, gián tiếp - Sắp xếp các tài liệu tham khảo theo đúng thông lệ dựa vào trật tự chữ cái đầu trong tên hoặc họ của tác giả - Có thể chọn đưa vào báo cáo nghiên cứu một sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện - Phần giới thiệu nêu rõ được vấn đề nghiên
--	--

	cứu, gây sự chú ý và hấp dẫn - Các luận điểm chính được làm sáng tỏ qua những dữ liệu, bằng chứng xác thực, đáng tin cậy - Các phần được sắp xếp theo trật tự logic, có sự liên kết chặt chẽ, không có sự trùng lặp - Không có các thông tin thừa, không liên quan trực tiếp đến đề tài - Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi từ ngữ và câu.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để tạo lập báo cáo nghiên cứu b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubric chấm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài viết tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về vấn đề được nêu trong bài báo cáo b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang	

tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

Phụ lục 1. Dàn ý tham khảo

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần phân tích

2. Thân bài

- Khái quát về thể loại sử thi: người Êđê gọi sử thi là klei khan. Klei nghĩa là lời, bài; khan nghĩa là hát kể. Hát kể klei khan không phải là hát kể thông thường mà bao gồm ý nghĩa ngợi ca.

- Hình thức biểu diễn sử thi của người dân Ê đê là hình thức hát, hát kể,...

+ Hát kể sử thi là loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian đã có từ lâu đời của cộng đồng người Ê đê, được tồn tại bằng hình thức truyền miệng từ đời này qua đời khác.

+ Nội dung của hát kể sử thi chủ yếu ca ngợi các anh hùng dân tộc, tôn vinh những người có công tạo lập buôn làng, những người anh hùng có công bảo vệ cộng đồng thoát khỏi sự diệt vong, áp bức và sự xâm chiếm của các thế lực khác; ...

- + Ngôn ngữ diễn xướng của sử thi Êđê là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lời và nhạc.
- Sự ảnh hưởng của sử thi đến đời sống người dân Ê đê:
 - + Ảnh hưởng đến đời sống văn hóa tinh thần: Người Ê đê thực hiện hát sử thi trong cuộc sống hàng ngày, trong lễ nghi và lao động.
 - + Sự tôn sùng của người Ê đê về sử thi.

3. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề

Phụ lục 2. Bài viết tham khảo

BÀI LÀM

1. Đặt vấn đề

Sử thi Ê đê ra đời trong điều kiện xã hội loài người có những biến động lớn về những cuộc di cư lịch sử, đặc biệt là những cuộc chiến tranh giữa các thị tộc, bộ lạc để giành đất sống ở vùng rừng núi Tây Nguyên.

2. Giải quyết vấn đề

a) Khái quát về đồng bào Ê đê và sử thi Ê đê.

Đồng bào dân tộc Ê đê xếp thứ 12 trong cộng đồng 54 dân tộc anh em tại Việt Nam. Ước tính có hơn 331.000 người Ê đê cư trú tập trung chủ yếu ở các tỉnh: Đắk Lắk, phía Nam của tỉnh Gia Lai và miền Tây của hai tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên của Việt Nam. Người Êđê gọi sử thi là klei khan. Klei nghĩa là lời, bài; khan nghĩa là hát kể. Hát kể klei khan không phải là hát kể thông thường mà bao gồm ý nghĩa ngợi ca. Thực chất đây là một hình thức kể chuyện tổng hợp được thông qua hát kể.

Các tác phẩm sử thi đều phản ánh quan niệm về vũ trụ với thế giới thần linh có ba tầng rõ rệt: tầng trời, tầng mặt đất và tầng dưới mặt đất - thế giới mà con người và thần linh gần gũi với nhau; phản ánh xã hội cổ đại của người Ê đê, cuộc sống sinh hoạt của

cộng đồng bình đẳng, giàu có; phản ánh quyền lực gia đình mẫu hệ, đề cao vai trò của người phụ nữ trong quản lý và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

b) Hình thức hát kể sử thi

Hát kể sử thi là loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian đã có từ lâu đời của cộng đồng người Ê đê, được tồn tại bằng hình thức truyền miệng từ đời này qua đời khác. Nội dung của hát kể sử thi chủ yếu ca ngợi các anh hùng dân tộc, tôn vinh những người có công tạo lập buôn làng, những người anh hùng có công bảo vệ cộng đồng thoát khỏi sự diệt vong, áp bức và sự xâm chiếm của các thế lực khác; đề cao sự sáng tạo, mưu trí tài giỏi, tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau lúc khó khăn hoạn nạn, nêu cao chính nghĩa, phản kháng những điều trái với đạo lý, luật tục; ca ngợi cái đẹp về sức mạnh hình thể lẫn tâm hồn, tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, mong muốn chinh phục thiên nhiên để cuộc sống tốt đẹp hơn; miêu tả cuộc sống sinh hoạt, lao động bình thường giản dị của buôn làng...

Ngôn ngữ hát kể của sử thi Ê đê là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lời và nhạc. Về phần lời, sử thi Ê đê đều thể hiện một hình thức ngôn ngữ đặc biệt là lời nói vần (klei duê). Trong khi diễn xướng người nghệ nhân còn vận dụng các làn điệu dân ca của dân tộc mình, như: Ay ray, kurut, mmuin... để tạo nên nhịp điệu vừa có chất thơ vừa có chất nhạc. Trong hình thức ngôn ngữ đó, các câu chữ như một móc xích nối các câu vần với nhau. Chính đây cũng là một yếu tố quan trọng khiến nghệ nhân có thể thuộc được cả những tác phẩm dài hàng vạn câu.

Trong sử thi thường nhắc nhiều về những cánh rừng bạt ngàn, rõ nét nhất là cảnh buôn làng giàu có của các tù trưởng, những người hùng nổi tiếng khắp vùng như Đăm Săn, Khing Ju... Trong trí tưởng tượng của người kể, những cánh rừng đi săn bắn, nơi làm rẫy và bên nước đều ở hướng đông. Đây là hướng mỗi buổi sáng thức dậy và đi lên rẫy đều nhìn thấy mặt trời ló trên đỉnh núi, họ quan niệm đây là sự sống, sự sinh sôi, nảy nở khi tiếp nhận ánh sáng của nữ thần mặt trời mỗi ngày. Ánh mặt trời là sự báo ứng của những điều tốt lành, là sự hy vọng trở thành hiện thực.

Ví dụ như trong sử thi Khing Ju có đoạn kể: “Đến sáng hôm sau, khi mặt trời lên khỏi ngọn núi, Prong Mung Dăng lấy nước trong bầu rửa mặt. Sau đó, vít cần rượu và tiếp tục uống. Càng uống nước trong ché càng đầy, có lúc nước tràn ra ngoài”. Đây là điều tốt lành báo ứng cho Prong Mung Dăng dắt bà đỡ về gấp cho em gái mình H’Ling kịp sinh con, trong khi Prong Mung Dăng đang mãi mê tỏ tình với H’Bia Ling Pang.

c) Ảnh hưởng của sử thi đối với dân tộc Ê đê.

Với bất cứ sử thi nào, khi một nhân vật đi tìm ai và hỏi người nào đó trong làng thì sẽ có câu trả lời khéo léo. Đó là: “Nhìn cột nhà sàn nó dài hơn nhà khác, có nhiều cái bành voi để ngoài hiên, cầu thang rộng bằng trái ba chiếc chiếu. Cầu thang rộng đến nỗi những chàng trai xuống một lúc năm, các cô gái thì xuống được ba người, con heo, con chó chạy đầy dưới sân”. Câu trả lời này làm cho người nghe tưởng tượng về ngôi nhà đó đẹp, dài, rộng hơn hẳn những ngôi nhà trong buôn mình. Riêng nội thất trong nhà, người kể luôn tạo ra những lời kể bằng ngôn từ tượng hình. Ví dụ: “Cột nhà trong chạm trổ rất đẹp, sàn nhà láng bóng. Gian trong cột bằng chỉ đỏ, gian ngoài cột bằng chỉ vàng”. Những hình ảnh gần như có thực với không gian hiện thực.

Ví dụ: “Từ trong bành voi, Mtao Grur đạp lên đầu voi nhảy xuống sàn hiên, từ sàn hiên nhảy qua ngạch cửa, từ ghế Jhung (ghế chủ nhà), nhảy đến chỗ ngồi đánh Jhar (chiêng lớn tiếng ngân vang), từ chỗ đánh Jhar đến chỗ đánh chiêng (ghế kpan), từ chỗ đánh chiêng nhảy đến chỗ đánh hgor (trống cái)”. Hình ảnh này làm người nghe hình dung ra những hành động nhẹ nhàng, nhanh nhẹn của Mtao Grur đi vào qua các vị trí đặt chiêng, chỗ để của những vật dụng (như jhung, kpan, thứ tự từ gian ngoài đi vào gian trong). Qua tình tiết của câu chuyện, người nghe đã hình dung đây là một nhà giàu có nhất trong buôn làng

Tại không gian lễ hội bỏ mả của người Êđê M’Dhur, về khuya, sau khi mọi nghi lễ tạm dừng lại, thì nghệ nhân kể khan bắt đầu kể những bài khan nổi tiếng của dân tộc mình cho mọi người nghe. Đây là hình thức sinh hoạt kể sử thi vô cùng độc đáo. Bên đồng lửa bập bùng tại không gian nhà mồ rộng lớn, nghệ nhân hát kể sử thi cho hàng

ng nghìn người nghe. Dân làng, già trẻ gái trai và khách gần xa ngồi im lặng say sưa lắng nghe kể sử thi suốt đêm thâu cho đến khi con gà trống gáy vang núi rừng, báo hiệu ông mặt trời đã thức giấc thì nghệ nhân hát kể sử thi mới dừng câu chuyện lại để chuẩn bị cho các nghi lễ tiếp theo của lễ hội bỏ mả. Ở đây, lễ hội bỏ mả được tổ chức bao nhiêu ngày đêm, thì những người đến dự lễ được nghe kể sử thi bấy nhiêu đêm.

3. Kết luận.

Sử thi Ê đê, chính là một bức tranh rộng và hoàn chỉnh về đời sống nhân dân và về những anh hùng, dũng sĩ đại diện cho cộng đồng. Người dân Ê đê hát kể sử thi như một cách để bảo tồn và gìn giữ giá trị văn hóa lâu đời của dân tộc đồng thời tuyên truyền nét đẹp này đến với nhiều đồng bào dân tộc khác.

4. Tài liệu tham khảo

- GS.TS Nguyễn Xuân Kinh, *Quá trình sưu tầm và nhận thức lí luận đối với sử thi ở Việt Nam*, Viện nghiên cứu văn hoá.
- *Khan (sử thi) của người Ê Đê*, Cục Di sản văn hoá.
- Hoàng Hưng (2021), *Ý nghĩa tích cực trong đời sống tâm linh của đồng bào dân tộc Êđê*, Văn hóa Việt Nam.

Phụ lục 3. Rubric đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu bài Sai phương thức thuyết minh	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh Chuẩn phương thức biểu	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh Chuẩn phương thức

		đạt Không có lỗi chính tả	biểu đạt Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 43. Ngày soạn 13/11/2023. NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh giới thiệu** được vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề đó
- ❖ **Học sinh trình bày** khái quát kết quả nghiên cứu chính ở phần trọng tâm bài nói
- ❖ **Học sinh nêu** được thu hoạch bổ ích của bản thân khi tiến hành nghiên cứu về đề tài ở cuối bài nói

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe

3. Về phẩm chất: Say mê nghiên cứu, mạnh dạn chia sẻ ý tưởng sáng tạo cho mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV chiếu video thuyết trình về một bài báo cáo ❖ HS theo dõi và ghi chú lại những điều cần lưu ý	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chiếu video Link: https://www.youtube.com/watch?v=shsENf2clVg Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và ghi chú lại những điều cần lưu ý Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án - Chuẩn bị bài báo cáo logic, khoa học - Tự tin thuyết trình - Thay thế phần thuyết trình bằng các bảng biểu hoặc sơ đồ tư duy -...
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh giới thiệu được vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề đó ❖ Học sinh trình bày khái quát kết quả nghiên cứu chính ở phần trọng tâm bài nói ❖ Học sinh nêu được thu hoạch bổ ích của bản thân khi tiến hành nghiên cứu về đề tài ở cuối bài nói b. Nội dung thực hiện:	

❖ Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe ❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập về kĩ năng nói nghe ❖ Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập ● Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị ● HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân ● HS thực hành lập dàn ý và nói Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói theo chủ đề Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	● Học sinh đọc tài liệu và xác định những nội dung cần chuẩn bị nghe nói 1. Chuẩn bị nói - Tóm tắt kết quả nghiên cứu từ 1 – 1,5 trang giấy - Gạch chân những luận điểm những nghiên cứu chính của bài viết - Xác định những từ ngữ then chốt gắn với từng luận điểm để dễ nhớ, dễ triển khai luận điểm, đảm bảo bài nói có trọng tâm, không sa vào lối kể chuyện, bình tán dông dài - Chuẩn bị powerpoint với các thông tin chất lọc, hình ảnh, video minh họa sinh động, thể hiện nét đặc trưng của báo cáo nghiên cứu - Chuẩn bị một tác phẩm khác 2. Chuẩn bị nghe - Tìm hiểu trước về tên của đề tài nghiên cứu sẽ được trình bày để có được định hướng nghe phù hợp - Phác ra những câu hỏi ban đầu để theo dõi bài nói ● Học sinh tiến hành thực hành

nghe nói đảm bảo các yêu cầu

Người nói	Người nghe
- Mở đầu: Nêu tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu; trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện. - Triển khai: Trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong luận điểm theo trình tự hợp lí, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu powerpoint nếu có. Có thể tổ chức theo hình thức câu hỏi – lời đáp, mỗi câu hỏi tương ứng với một luận điểm giải quyết câu hỏi. - Kết luận: Khái quát những kết quả nghiên cứu chính, cảm ơn mọi người đã lắng nghe và sẽ tiếp nhận góp ý một	- Lắng nghe chăm chú, ghi ra giấy những ý chính và những câu hỏi - Hỗ trợ bạn trong quá trình trình chiếu (nếu có)

	cách chân thành.	
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP		
a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe		
b. Nội dung thực hiện		
HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubic chấm		
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói – nghe Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Dàn ý tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)	
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ		
a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói		
b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp		
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS Trao đổi 1. Người nghe Dựa vào các tiêu chí đánh giá đã xây dựng để nêu câu hỏi hay bổ sung cho bài báo cáo. Nêu cách nhìn nhận, đánh giá khác nếu có. Góp ý thêm về cách trình bày, báo cáo của người nói	

để cả lớp tham khảo	2. Người nói Trả lời các câu hỏi, tiếp thu các ý kiến và phản biện nếu cần.
---------------------	---

Phụ lục 1. Dàn ý bài nói tham khảo

Lập dàn ý bài nghe nói: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề

1. Đặt vấn đề

Ngụ ngôn, là một tiểu loại nằm trong loại hình văn học dân gian. Mỗi câu truyện ngụ ngôn được xây dựng, đều chứa đựng những triết lí sống giống như thể loại tục ngữ, nhưng nó lại được thể hiện ở hình thức khác biệt, mang đặc trưng độc đáo riêng mà chỉ ở ngụ ngôn mới có.

2. Giải quyết vấn đề

Ngụ ngôn là loại truyện có ngụ ý đằng sau cốt truyện, được xây dựng nhằm mục đích nêu lên bài học triết lí, bài học sống cho các thế hệ. Truyện ngụ ngôn, thường có tính đả kích và châm biếm sâu sắc một tầng lớp trong xã hội, phê phán những đức tính của con người như keo kiệt, xu nịnh, huyênh hoang, tham lam, dẫn đến những hậu quả xấu.

Đầu tiên, là bài học triết lí được thể hiện trong Chân tay tai mắt miệng. Câu chuyện muốn nói đến bài học về tình đoàn kết, đừng nghe ai xui dại mà làm bậy, thiệt hại đến bản thân. Trong một tập thể sống, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa, gắn bó vào nhau cùng tồn tại, phải biết hợp tác và tôn trọng công sức của nhau. Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai trong câu chuyện, ai cũng cho là mình có nhiều công lao, vất vả. Từ đó, họ xúm lại chê trách lão Miệng chỉ ăn mà không làm. Trước kia, họ vẫn dựa vào nhau mà cùng tồn tại. Nhưng cô Mắt đã khởi xướng một cuộc tẩy chay, kêu gọi cậu Chân, cậu Tay “Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không”. Và, cậu Chân cậu tay cũng nghe theo cô Mắt, kéo theo cả bác Tai đến nhà lão Miệng. Họ hùng hăng hồ hồ, hăm hở đến nói thẳng với Miệng, “Từ nay

chúng tôi không làm để nuôi ông nữa. Lâu nay chúng tôi cực khổ, vất vả vì ông nhiều rồi”... “Xưa nay, chúng tôi có biết cái gì ngọt bùi ngon lành mà làm cho cực!”.

Chân, Tay, Tai, Mắt đã xúm lại, cùng nhau chê trách lão Miệng, chỉ ăn mà không làm, để rồi nhận lấy hậu quả thích đáng. “Một ngày, hai ngày, rồi ba ngày, cả bọn thấy mệt mỏi rã rời”. Cậu Chân, cậu Tay thì “không còn muốn cất mình lên chạy nhảy”, cô Mắt “ngày cũng như đêm lúc nào cũng lơ đãng”, bác Tai “bỗng thấy lúc nào cũng ù ù như xay lúa ở trong”. Tất cả mọi người đều phải chịu sự mệt mỏi. Bác Tai đã nhận ra sai lầm, giải thích với mọi người, cùng nhau đến xin lỗi Miệng. Lão Miệng cũng không khâm khá hơn, “cũng nhợt nhạt cả môi, hai hàm thì khô như rang, không buồn nhếch mép”. Khi cậu Chân và Tay đi tìm thức ăn cho lão, lão dần tỉnh lại, và tất cả cũng đều cảm thấy đỡ mệt nhọc. Từ đó, họ bảo nhau “thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai”. Họ đã nhận ra cái sai lầm của mình, và biết sửa chữa sai lầm kịp lúc.

Cũng giống như các bộ phận được nhân hóa sinh động này, con người chúng ta cũng không thể tách mình sống riêng biệt mà tồn tại được. Mỗi người, như một bộ phận trong một cỗ máy hoàn chỉnh, nên dù thiếu bất cứ bộ phận nào dù là nhỏ nhất, cũng đều có hại. Thay vì ganh tị, chia rẽ mọi người, chúng ta cần thay đổi suy nghĩ ngay từ bên trong, tập sống có ích, sống vì mọi người, vì tập thể. Và, cũng đừng học theo thói a dua, nghe lời dèm pha từ một phía mà không suy xét, đưa ra hành động đúng đắn, nếu không sẽ nhận được hậu quả thích đáng.

Thứ hai, là hình thức thể hiện bài học triết lý nhân sinh trong truyện ngụ ngôn nói chung và “Chân tay tai mắt miệng nói riêng”. Hình thức thể hiện những bài học triết lý chính là cơ sở, đặc điểm cơ bản để nhận diện ngụ ngôn với tục ngữ. Ngụ ngôn thể hiện bài học triết lý dưới hai hình thức, trực tiếp ở nhan đề, lời thoại nhân vật, hoặc gián tiếp qua hành động nhân vật, cốt truyện, ngôn ngữ và phương pháp nghệ thuật đặc trưng trong truyện để người thưởng thức tự đúc kết. Ở câu chuyện này, hình thức thể hiện bài học triết lý là gián tiếp, người đọc phải tự đúc kết, tự rút ra qua những hình tượng nhân vật, qua cốt truyện, qua ngôn ngữ, qua nghệ thuật thể hiện.

Nhân vật ngụ ngôn, thường là những nhân vật hư cấu tượng trưng từ đặc tính của loài hay từ tính cách của một hạng người. Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng, được nhân hóa từ những bộ phận trên cơ thể người, nhưng lại có sự liên hệ với đặc điểm, tính cách của một loại người trong xã hội, Đó là loại người hay ganh tị, so bì, hay a dua, hùa theo người khác mà chưa biết đúng sai.

Cốt truyện ngụ ngôn, thường ngắn gọn và rất hàm súc. Xoay quanh những nhân vật hư cấu, xoay quanh hoàn cảnh, tình huống truyện, người ta rút ra được những ý nghĩa. Cốt truyện của thể loại ngụ ngôn thường là cốt truyện ẩn dụ, chứa đựng những bài học sâu sắc. Sự đình công của Chân, Tay, Tai, Mắt, là ẩn dụ cho sự mất đoàn kết trong xã hội và hậu quả mà họ nhận được, tất cả đều bị ảnh hưởng nặng cũng chính là sự ẩn dụ cho tinh thần đoàn kết bị chia rẽ.

Ngôn ngữ trong truyện ngụ ngôn cũng rất hàm súc và ngắn gọn. Với sự kết hợp lối cảm nghĩ ngây thơ hồn nhiên của trẻ em và lối nhìn nhận sâu sắc của người lớn, truyện ngụ ngôn vừa gần gũi, nhưng cũng có gì đó xa lạ khiến người ta phải suy ngẫm. Ẩn dưới lớp vỏ ngôn từ, dưới những hình ảnh sinh động, chính là những bài học, kinh nghiệm sống triết lý mà nhân dân đúc kết qua bao thế hệ.

Và nghệ thuật đặc sắc trong ngụ ngôn, chính là phương pháp tỉ dụ. Tỉ dụ là phương pháp đặc trưng và quan trọng nhất trong sáng tác ngụ ngôn. Thiếu tỉ dụ, câu truyện ngụ ngôn sẽ không hình thành và tồn tại, mà chỉ là những câu chuyện cười vô nghĩa. Tỉ dụ khiến ngụ ngôn trở nên sinh động và sâu sắc hơn. Nhưng tỉ dụ trong ngụ ngôn cũng cần phổ biến, dễ hiểu và thông dụng. Chân, tay, tai, mắt, miệng, là những bộ phận gắn kết trên cơ thể người và không thể tách rời. Người ta chú ý đến mối quan hệ khăng khít này, vì thế mà ngụ ngôn “Chân tay tai mắt miệng”, thường được dùng để nói về bài học đoàn kết trong xã hội.

3. Kết luận

Điều làm nên đặc sắc và riêng biệt của ngụ ngôn, chính là nhờ tính triết lí và biểu hiện của tính triết lí độc đáo, mang màu sắc rất riêng khác với tục ngữ hay truyện cười. Và, mỗi câu truyện ngụ ngôn trong kho tàng văn học, chính là một bài học khác nhau, một triết lí sống khác nhau để chúng ta tìm hiểu và khám phá mỗi ngày.

Phụ lục 2. Rubric đánh giá bài nói

		Đạt	Chưa đạt
Kết quả nghiên cứu trình bày	Chọn được vấn đề có ý nghĩa và gây hứng thú		
	Vận dụng được các thao tác nghiên cứu cơ bản (Hình thành ý tưởng, thu thập nghiên cứu dữ liệu, rút ra kết luận,...)		
	Đảm bảo sự phù hợp giữa kết quả nghiên cứu với mục tiêu nghiên cứu		
Trình bày	Duy trì phong thái tự tin, chủ động		
	Sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ		
	Điều chỉnh cách trình bày sao cho phù hợp với người nghe		

TIẾT 44. Ngày soạn 14/11/2023.

CỦNG CỐ MỞ RỘNG- thực hiện viết ở nhà

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh ôn tập** lại văn bản sử thi đã học
- ❖ **Học sinh tìm đọc thêm** về văn hóa Hi Lạp và Ấn Độ và so sánh ảnh hưởng của hai nền văn hóa này tới Sử thi
- ❖ **Học sinh lắng nghe** thêm các bài thuyết trình về lịch sử, văn hóa của Tây Nguyên

❖ **Học sinh đọc thêm** các tác phẩm hiện đại mang âm hưởng Sử thi hoặc lấy cảm hứng từ các nhân vật, văn hóa,.. của Sử thi. Nhận xét về ảnh hưởng của Sử thi trong văn học Việt Nam hiện đại

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để ôn tập và luyện viết

3. Về phẩm chất: Rút ra các bài học về vấn đề công dân số, công dân toàn cầu

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV đặt câu hỏi: Kết thúc chương về Sức sống của Sử thi, điều con ấn tượng nhất là gì? ❖ HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định	Gợi ý đáp án HS tự do trình bày quan điểm của bản thân

Giáo viên dẫn dắt vào bài học	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh ôn tập lại văn bản sử thi đã học ❖ Học sinh tìm đọc thêm về văn hóa Hi Lạp và Ấn Độ và so sánh ảnh hưởng của hai nền văn hóa này tới Sử thi ❖ Học sinh lắng nghe thêm các bài thuyết trình về lịch sử, văn hóa của Tây Nguyên ❖ Học sinh đọc thêm các tác phẩm hiện đại mang âm hưởng Sử thi hoặc lấy cảm hứng từ các nhân vật, văn hóa,.. của Sử thi. Nhận xét về ảnh hưởng của Sử thi trong văn học Việt Nam hiện đại b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh chia nhóm theo năng lực thực hiện bài tập 1,2,3,4	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập ● Giáo viên chia nhóm HS thảo luận để thực hiện bài tập số 1,2,3,4 theo năng lực của HS lớp Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành làm bài Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	Giải bài tập và các tài liệu tham khảo xem ở phần phụ lục.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh bàn luận về các vấn đề được HS trình bày trong phần bài tập b. Nội dung thực hiện	

HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubric chấm bài viết	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV tùy chọn sử dụng bài làm của HS
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh thực hiện dự án Sức sống của Sử thi bằng sơ đồ tư duy, tranh vẽ, poster,.... b. Nội dung thực hiện: HS tuyên truyền các giá trị của sử thi thông qua sơ đồ, tranh ảnh, poster	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần bài làm của HS

Phụ lục 1. Hướng dẫn thực hiện phần nội dung củng cố, mở rộng

Câu 1. Lập bảng tổng hợp những đặc trưng của sử thi được thể hiện trong hai đoạn trích Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác và Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời trên các phương diện: nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, người kể chuyện.

	<i>Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác</i>	<i>Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời</i>
Nhân vật	Người anh hùng chiến đấu vì lý tưởng và lợi ích dân tộc	Người anh hùng theo đuổi khát vọng
Cốt truyện	Dựa trên tình huống, bi kịch của Héc-to khi phải lựa chọn giữa cá nhân và dân tộc => sự kiện trọng đại	Đăm Săn muốn Nữ Thần Mặt Trời trở thành vợ thứ của mình nên đã lên đường đến tìm nàng nhưng không được chấp thuận, khi trở về gặp nạn và chết => biến cố của nhân vật khi theo đuổi một mong muốn vượt quá khả năng
Không gian	Cuộc chiến vây hãm thành Tơ-roa của quân Hy Lạp bước sang năm thứ mười chưa phân thắng bại => hình tượng hào hùng	Khung cảnh làng Ê-đê mà Đăm Săn là người tù trưởng giàu mạnh => dân tộc ít người, thể hiện văn hóa cộng đồng
Thời gian	Thời kì cổ đại	
Người kể chuyện	Ngôi thứ ba	

Câu 2. Tìm đọc thêm các tài liệu viết về Hy Lạp và Ấn Độ thời cổ đại. Tóm tắt nội dung chính và trích dẫn những thông tin quan trọng trong các tài liệu, có sử dụng cước chú.

Tham khảo tài liệu trong phần (Tài liệu bổ trợ)

Câu 3. Tập thuyết trình về một vấn đề văn hóa, lịch sử Tây Nguyên và lắng nghe phản hồi của bạn về bài thuyết trình của mình.

Tham khảo tài liệu trong phần (Tài liệu bổ trợ)

Câu 4. Đọc thêm các tác phẩm văn học hiện đại mang âm hưởng sử thi hoặc lấy cảm hứng từ các nhân vật, sự kiện, địa điểm trong sử thi (Ví dụ: Bài ca chim Chơ-rao của Thu Bồn, Đất nước của Nguyễn Đình Thi, Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm,...) và nhận xét về ảnh hưởng của thể loại sử thi trong văn học Việt Nam hiện đại.

*** Đặc trưng của sử thi được thể hiện trong Đất Nước – Nguyễn Khoa Điềm:**

- Sử dụng ngôn ngữ có vần, nhịp
- Kể về những biến cố diễn ra trong đời sống cộng đồng của cư dân: quá trình hình thành và phát triển của đất nước gắn với những quan niệm của nhân dân
- Thể hiện quá trình vận động của dân tộc Việt qua lịch sử đất nước bốn nghìn năm

*** Đặc trưng của sử thi thể hiện trong Đất nước – Nguyễn Đình Thi:**

- Sử dụng ngôn từ có vần, nhịp
- Hình thức nghệ thuật ngôn từ dân gian
- Thể hiện quá trình vận động của đất nước trong chiến tranh, lịch sử của cộng đồng: “trời thu thay áo mới”, “trời xanh đây là của chúng ta”, “những cánh đồng... phù sa”, “năm xưa”, “những ngày thu đã xa”, “những buổi ngày xưa”

*** Đặc trưng của sử thi thể hiện trong Rừng Xà Nu – Nguyễn Trung Thành:**

- Nhan đề

- Chủ đề
- Cốt truyện
- Hệ thống hình tượng
- Hình ảnh cây xà nu (thực – biểu tượng)
- Hình tượng nhân dân anh hùng
- + Cụ Mết, Mai, Dít, bé Heng
- + Nhân vật chính Tnú
- Giọng điệu

*** Ảnh hưởng của sử thi trong văn học Việt Nam hiện đại: thể loại sử thi đã ảnh hưởng tới văn học Việt Nam hiện đại cả về nội dung và nghệ thuật ở nhiều phương diện như:**

GIẢI THÍCH – LÝ LUẬN : TÍNH SỬ THI (KHUYNH HƯỚNG SỬ THI)

- Sử thi vốn là thể loại văn học từ thời cổ đại : Iliad, Odysey (Home – Hy Lạp), Ramayana, Mahabhara (Ấn Độ), Đăm Săn (Việt Nam),...
- Về sau, đặc điểm của sử thi cổ đại được văn học hiện đại tiếp nhận trở thành khuynh hướng, một đặc điểm của văn học hiện đại. Bản chất của sử thi vẫn không thay đổi: đó là những vấn đề của cộng đồng, của lịch sử.
- Nhà lí luận Nga Bakhtin “Cái lõi của khái niệm sử thi là khoảng cách sử thi”
- + Sử thi cổ đại miêu tả hình ảnh của những người anh hùng theo khuôn mẫu cố định
- + Tính sử thi hiện đại miêu tả hình ảnh của những con người đã được thần thánh hoá như một vầng hoà quang của quá khứ hiện về, nhưng điều đặc biệt bên cạnh phẩm chất anh hùng thì họ vẫn hiện lên với những vẻ đẹp hết sức đời thường
- Ngôn từ

- Sử dụng nhiều chất liệu dân gian trong sáng tác
- Cách lựa chọn thể loại
- Cách xây dựng nhân vật
- Cách lựa chọn nội dung và đối tượng trữ tình trong văn bản: đối tượng thường là người anh hùng, chiến sĩ; hình tượng đất nước trải qua khó khăn, máu lửa chiến tranh